

Số: 03 /TB-SCT

Bình Định, ngày 11 tháng 01 năm 2019

(VNR: LKH + K)
Theo dõi thời gian
Lưu trữ theo quy định
11/1/2019
B.R

THÔNG BÁO
V/v chấp nhận đăng ký Hợp đồng theo mẫu



Kính gửi: Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn

Căn cứ Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; Thông tư số 10/2013/TT-BCT ngày 30/5/2013 của Bộ Công Thương ban hành mẫu đơn đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung; Thông tư 39/2016/TT-BTTT ngày 26/12/2016 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung trong hoạt động viễn thông;

Xét hồ sơ đăng ký hợp đồng theo mẫu đối với dịch vụ “truy nhập Internet trên mạng viễn thông cố định mặt đất”, cụ thể là “cung cấp dịch vụ Internet qua mạng truyền hình cáp” của Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn, Sở Công Thương thông báo như sau:

1. Chấp nhận mẫu Hợp đồng “Cung cấp dịch vụ Internet qua mạng truyền hình cáp” của Công ty TNHH MTV Truyền hình cáp Quy Nhơn đã đăng ký với Sở Công Thương kèm theo Thông báo này.

2. Trường hợp thay đổi bất kỳ nội dung nào của mẫu Hợp đồng nêu trên, Công ty phải thực hiện đăng ký lại theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 15 của Nghị định số 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Sở Công Thương thông báo cho Công ty biết để thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TT&TT;
- GĐ Sở, PGĐ Tuyết;
- Lưu: VT, TTr Sở, QLTM.(07b)

Th

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trần Ánh Tuyết



CTY TNHH MTV TRUYỀN HÌNH CÁP
QUY NHƠN



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc



HỢP ĐỒNG SỬ DỤNG DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

(Cung cấp dịch vụ Internet qua mạng Truyền hình Cáp)

Số:/QCATVnet.

Căn cứ Bộ Luật Dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ luật Viễn thông số 41/2009/QH12 thông qua ngày 21/11/2009;

Căn cứ luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 59/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 17/11/2010.

Căn cứ Nghị định 99/2011/NĐ-CP ngày 27/10/2011 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

Căn cứ Nghị định 81/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi bổ sung Nghị Định số 25/2011/NĐ-CP ngày 6/04/2011.

Căn cứ giấy phép thiết lập mạng viễn thông công cộng số 294/GP-CVT do Cục Viễn Thông – Bộ Thông tin và Truyền thông cấp ngày 01/8/2013;

Căn cứ khả năng cung cấp dịch vụ của Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Quy Nhơn (QCATV) và yêu cầu của khách hàng;

Hôm nay, ngày tháng năm, hai bên gồm có:

Bên sử dụng dịch vụ (Bên A):

Người đại diện : Chức vụ: Ngày sinh:

Mã số Doanh nghiệp : Ngày cấp: Nơi cấp:

Số CMND/Hộ chiếu/GPKD: Ngày cấp: Tại

Địa chỉ (thường trú, tạm trú, văn phòng):

Chỗ ở hiện nay :

Điện thoại : Fax: Email:

Số tài khoản : Tại Ngân hàng:

Mã số thuế :

Bên cung cấp dịch vụ (Bên B): CÔNG TY TNHH MTV TRUYỀN HÌNH CÁP QUY NHƠN(QCATV):

Số giấy phép kinh doanh dịch vụ Viễn Thông: 452/GP-CVT; Ngày cấp: 29/07/2016; Nơi cấp: Hà Nội; Mã số doanh nghiệp : 4101321208 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp; thay đổi lần thứ 6 ngày: 8/9/2017;

Người đại diện : Dương Tuấn Hùng Chức vụ: Giám đốc

Số hợp đồng :

Địa chỉ : 198 Trần Hưng Đạo, Thành Phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Điện thoại : (0256) 3822117; 2221419 ; Fax: (0256) 3811343; Email: qcatv2014@gmail.com; Website: qcatv.vn

Số tài khoản : 58010000272843 Tại Ngân hàng: Đầu tư và phát triển tỉnh Bình Định (BIDV).

Mã số thuế : 4101321208.

Cùng thống nhất thỏa thuận thực hiện các điều khoản sau:

Điều 1: Cung cấp dịch vụ

- 1.1 Loại hình dịch vụ: Dịch vụ Internet HFC.
- 1.2 HFC có tên đầy đủ là *Hybrid Fiber Coaxial*, đây là mạng viễn thông băng thông rộng sử dụng công nghệ cáp đồng để cung cấp các dịch vụ tốc độ cao được nối đến tận nhà.
- 1.3 Dịch vụ Internet HFC là dịch vụ đường truyền sử dụng công nghệ tương tác hai chiều (tốc độ download và upload bằng nhau) làm phương tiện truyền dẫn tín hiệu từ nhà cung cấp đến khách hàng.
- 1.4 Phương thức cung cấp dịch vụ: Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua dịch vụ Internet HFC với chất lượng dịch vụ, tốc độ kênh, số lượng và giá cước quy định cụ thể tại Phụ lục đi kèm hợp đồng này. Trong trường hợp phát sinh đường truyền mới, hai Bên chỉ cần làm phụ lục đính

- kèm hợp đồng này.
- 1.5 Mục đích sử dụng dịch vụ Internet trong Hợp đồng này là: Truyền dữ liệu Internet.
- 1.6 Các dịch vụ giá trị gia tăng đi kèm: Không có.
- 1.7 Chất lượng dịch vụ: Tốt.
- 1.8 Địa chỉ cung cấp dịch vụ:

Điều 2: Giá cước dịch vụ.

- 2.1 Giá cước dịch vụ sẽ được hai bên thỏa thuận và ghi nhận tại Phụ lục số 01 quy định về bảng cước sử dụng dịch vụ viễn thông.
- 2.2 *Thời điểm tính cước hàng tháng:* Thời điểm bắt đầu tính cước kể từ ngày Bên B bàn giao dịch vụ cho Bên A (căn cứ vào Biên bản nghiệm thu bàn giao giữa hai bên).
- 2.3 *Cước đầu nối hòa mạng (trả một lần):* Bên A thanh toán cho Bên B toàn bộ cước đầu nối hòa mạng như nội dung trong Phụ lục 01 trong vòng 05 ngày kể từ ngày hai bên ký hợp đồng. Cước đầu nối hòa mạng không được hoàn lại vì bất cứ lý do nào sau khi hai bên ký Biên bản bàn giao kênh trừ trường hợp do lỗi bên B.
- 2.4 *Cước di chuyển địa điểm:* Bằng 50% cước đầu nối ban đầu của dịch vụ muốn di chuyển/Miễn phí.
- 2.5 *Cước nâng/giảm tốc độ:* Trường hợp Bên A muốn nâng hoặc giảm tốc độ, hai Bên sẽ cùng ký vào Biên bản thỏa thuận để thay đổi tốc độ và cước dịch vụ hàng tháng.
- 2.6 *Cước dịch vụ hàng tháng:* Bên A sẽ thanh toán cước dịch vụ hàng tháng với mức cước chi tiết được đính kèm tại phụ lục 01 của Hợp đồng này. Nếu thời gian sử dụng dịch vụ của tháng bắt đầu và tháng Bên A đề nghị ngừng dịch vụ chưa đủ tháng, cước phí sẽ được tính bằng cước trọn tháng chia cho 30 ngày và nhân với số ngày thực tế sử dụng dịch vụ trong tháng đó.

Điều 3: Thanh toán.

- 3.1 Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày cuối cùng của tháng tính cước, Bên B sẽ gửi hóa đơn hoặc thông báo cước (nếu có) đến địa chỉ theo thông tin của bên A được ghi nhận tại hợp đồng này.
- 3.2 Thời hạn thanh toán cước: Trong thời hạn tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn hoặc thông báo cước Bên A có trách nhiệm thanh toán đầy đủ các khoản cước phí đã sử dụng. Quá thời hạn trên, Bên B có quyền tạm ngưng toàn bộ dịch vụ.
- 3.3 Hình thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng

* **Nội dung chuyển tiền:**

Công ty/Ông/Bà thanh toán tiền cước thángnăm/20....., hóa đơn số

Đơn vị thụ hưởng:

Công ty TNHH MTV Truyền hình Cáp Quy Nhơn

Địa chỉ: 198 Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Bình Định

Số tài khoản: 58010000272843 ; Tại Ngân hàng: Đầu tư và phát triển tỉnh Bình Định (BIDV).

Điều 4: Thời điểm và thời hạn cung cấp dịch vụ

- 4.1 Thời điểm cung cấp dịch vụ được bắt đầu kể từ ngày hai bên ký vào Biên bản nghiệm thu bàn giao. Thời hạn cung cấp dịch vụ sẽ do các bên thỏa thuận và quy định cụ thể trong phụ lục đính kèm hợp đồng.
- 4.2 Trong trường hợp hết hạn hợp đồng, nếu Bên A hoặc B không có văn bản đề nghị thanh lý hợp đồng thì hợp đồng được mặc nhiên gia hạn tiếp từng năm một.

Điều 5: Quyền của Bên A

- 5.1 Được quyền yêu cầu bên B cung cấp thông tin và hướng dẫn bên A sử dụng dịch vụ đã thỏa thuận tại hợp đồng này.
- 5.2 Được yêu cầu bên B hỗ trợ kỹ thuật khi có lỗi kỹ thuật xảy ra trong thời hạn bên A sử dụng dịch vụ của bên B theo như hợp đồng hai bên đã ký kết.
- 5.3 Được quyền sử dụng dịch vụ viễn thông theo chất lượng và giá cước thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông đã ký kết.
- 5.4 Được quyền từ chối sử dụng một phần hoặc toàn bộ dịch vụ viễn thông theo thỏa thuận trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng sử dụng dịch vụ viễn thông đã ký kết.
- 5.5 Được quyền khiếu nại về giá cước, chất lượng dịch vụ, được hoàn trả giá cước và bồi thường thiệt hại trực tiếp khác do lỗi của bên B gây ra. Trong thời gian khiếu nại, Bên A vẫn phải thanh toán cước phí đầy đủ theo quy định của Bên B;

- 5.6 Đề nghị bên B điều chỉnh nội dung trong Hợp đồng và phụ lục hợp đồng; tạm ngừng hoặc chấm dứt việc cung cấp một phần hoặc toàn bộ dịch vụ theo quy định của pháp luật. Bên B sẽ căn cứ vào yêu cầu của bên A, hợp đồng đã ký kết và nhu cầu thực tế để quyết định có chấp thuận hay không chấp thuận đề nghị của bên A.
- 5.7 Được quyền đảm bảo bí mật các thông tin riêng được ghi trong hợp đồng.
- 5.8 Được quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ trong thời hạn của hợp đồng, tuy nhiên cần thông báo bằng văn bản cho bên B trước ít nhất 20 ngày làm việc kể từ thời điểm chấm dứt thực hiện hợp đồng. Bên A chỉ phải thanh toán phí cho phần dịch vụ mà mình đã sử dụng.
- 5.9 Sau khi nhận được thông báo thay đổi về cước dịch vụ (nếu có), bên A có quyền chấm dứt hợp đồng nếu không đồng ý với mức giá mới. Trong vòng 20 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, bên A phải thông báo bằng văn bản cho bên B.

Điều 6: Nghĩa vụ của bên A

- 6.1 Bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của mình gây ra cho bên B (Làm mất, hỏng thiết bị do bên B cung cấp...v.v...)
- 6.2 Có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cước phí dịch vụ đã sử dụng theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng này.
- 6.3 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin truyền, đưa, lưu trữ trên mạng viễn thông;
- 6.4 Có trách nhiệm đảm bảo mọi điều kiện cần thiết (kể cả trách nhiệm phải chi trả mọi chi phí để vào tòa nhà) cho Bên B được triển khai các tuyến truyền dẫn và lắp đặt thiết bị vào các tòa nhà mà Bên A đặt thiết bị đầu cuối trong phạm vi hợp đồng này.
- 6.5 Không tự ý dịch chuyển thiết bị do Bên B lắp đặt, nếu trường hợp Bên A có nhu cầu di chuyển thiết bị đầu cuối sang địa điểm khác hoặc nâng hoặc giảm tốc độ dịch vụ đang sử dụng thì Bên A phải thông báo bằng văn bản chính thức cho Bên B trước 15 ngày và chịu mọi chi phí trong việc di chuyển đường cáp và thiết bị đó.
- 6.6 Không cho phép bất kỳ cá nhân, tổ chức khác kinh doanh trái phép các dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào.
- 6.7 Thiết bị, vật tư của Bên A được đấu nối với mạng đầu cuối của Bên B phải đảm bảo điều kiện: Các tiêu chuẩn kỹ thuật của mạng lưới và thiết bị phải phù hợp với mạng lưới viễn thông công cộng theo các quy định của pháp luật, thiết bị được sử dụng phải được hợp chuẩn bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 6.8 Cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về người sử dụng dịch vụ được ghi trong hợp đồng; Cung cấp trung thực và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin đã cung cấp về mục đích, quy mô, cấu hình mạng... cho Bên B. Trong trường hợp có sự thay đổi về các thông tin đã cung cấp, Bên A phải thông báo cho Bên B biết trước trong vòng 07 ngày trước ngày có thay đổi.
- 6.9 Phối hợp, tạo điều kiện và bảo đảm an toàn cho Bên B trong quá trình cung cấp dịch vụ, bảo dưỡng và kiểm tra chất lượng dịch vụ tại các địa điểm của Bên A.
- 6.10 Khi có sự cố xảy ra bên A có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định trong quy trình xử lý sự cố giữa Bên A và Bên B đã thỏa thuận. Mọi hư hỏng, sự cố liên quan đến cung cấp dịch vụ của Bên B, Bên A báo ngay cho Bên B đến xử lý theo thông tin sau:
 *Địa chỉ: 198 Trần Hưng Đạo, TP.Quy Nhơn, Bình Định.
 *Số điện thoại: 0256.3822117; 0256.2221419
 *Email: qcatv2014@gmail.com

Điều 7: Quyền của Bên B

- 7.1 Được quyền yêu cầu bên A cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến việc cung cấp dịch vụ viễn thông ghi trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng;
- 7.2 Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đầy đủ, đúng hạn giá cước sử dụng dịch vụ và các khoản phí, lệ phí ghi trong hợp đồng;
- 7.3 Được quyền yêu cầu bên A bồi thường thiệt hại trực tiếp do lỗi của bên A gây ra;
- 7.4 Được kiểm tra việc sử dụng dịch vụ viễn thông của Bên A theo quy định pháp luật. Trường hợp thiết bị đầu cuối, mạng lưới nội bộ...(do Bên A tự trang bị và lắp đặt) không đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, Bên B được quyền yêu cầu Bên A thay đổi.
- 7.5 Sau khi hợp đồng được ký kết, Bên B sẽ không hoàn trả lại phí đấu nối hoà mạng ban đầu đã thu

- a) Hết hạn hợp đồng theo Điều 4 và Bên A không có nhu cầu gia hạn Hợp đồng.
- b) Một bên không có khả năng tiếp tục thực hiện hợp đồng và đề nghị chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- c) Khi có yêu cầu chấm dứt của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 9.2.2 Trách nhiệm bồi thường thiệt hại (không áp dụng cho các trường hợp bất khả kháng):
- a) Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn: Nếu do bên B vi phạm hợp đồng, bên B sẽ hoàn trả số tiền cước trả trước và các chi phí khác mà khách hàng đã trả cho bên B như chi phí khởi tạo, thiết bị đầu cuối... (nếu có) cho Bên A sau khi trừ tiền cước thực tế bên A sử dụng.
- b) Trong trường hợp hợp đồng bị chấm dứt trước thời hạn hợp đồng: Nếu do bên A vi phạm hợp đồng, bên A sẽ không được hoàn trả số tiền cước trả trước (nếu có) sau khi trừ tiền cước thực tế phát sinh.
- c) Trong các trường hợp thông thường (không dẫn tới chấm dứt hợp đồng trước thời hạn), một bên vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên kia, bên vi phạm có trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật cho bên bị vi phạm.

Điều 10: Bất khả kháng

- 10.1 Mọi sự kiện, hoàn cảnh, tình huống xảy ra ngoài tầm kiểm soát của mỗi bên mà các bên không thể thực hiện được nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng như: Chiến tranh, các hành vi thù địch, xâm lược, các cuộc nổi loạn, bạo động trong nước, cách mạng, nội chiến, bão, lũ lụt, động đất, hoặc các thiên tai khác mà không thể thấy và dự đoán trước được sẽ được coi là Bất khả kháng.(Trừ trường hợp do lỗi bên B)
- 10.2 Khi xảy ra Bất khả kháng, cả hai bên phải thông báo cho nhau về các sự kiện bất khả kháng trong vòng 07 ngày kể từ ngày bất khả kháng bắt đầu xảy ra. Trong những trường hợp này thời gian thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng sẽ được gia hạn thêm theo sự thoả thuận của hai bên.
- 10.3 Nếu Bất khả kháng kéo dài hơn 3 tháng thì các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng sẽ được hai bên thương lượng và xem xét lại.

Điều 11: Giải quyết khiếu nại và tranh chấp

- 11.1 Trong thời gian thực hiện Hợp đồng, nếu Bên A có khiếu nại, Bên A gửi khiếu nại bằng văn bản cho Bên B. Bên B có trách nhiệm giải quyết khiếu nại của Bên A trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được khiếu nại. Hết thời hạn nêu trên Bên B có trách nhiệm giải quyết khiếu nại và trả lời bằng văn bản cho Bên A. Trong trường hợp khiếu nại của Bên A hợp lý và được xác nhận bởi Bên B, Bên A sẽ được khấu trừ phần cước đã thanh toán vào tháng kế tiếp.
- 11.2 Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải trong thời hạn 10 ngày. Trong trường hợp hai bên không thương lượng được, các bên có quyền yêu cầu toà án có thẩm quyền để giải quyết tại Tòa án theo quy định của pháp luật. Phán quyết của Tòa án sẽ là quyết định cuối cùng buộc hai bên thực hiện. Án phí và các chi phí khác do bên thua kiện chịu.

Điều 12: Điều khoản cuối cùng

- 12.1 Bất cứ thay đổi nào về nội dung và các vấn đề liên quan đến hợp đồng phải được sự đồng ý và xác nhận bằng văn bản của hai bên trừ trường hợp hai bên đã có thoả thuận khác trong hợp đồng này. Văn bản này là một phần không thể tách rời của hợp đồng.
- 12.2 Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng và các quy định khác có liên quan do pháp luật Việt Nam quy định, bên nào vi phạm sẽ chịu trách nhiệm trước bên kia và pháp luật Việt Nam.
- 12.3 Hợp đồng được làm thành 02 (hai) bản, có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 (một) bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHỤ LỤC 01 BẢNG CƯỚC SỬ DỤNG DỊCH VỤ INTERNET

Kèm Hợp đồng số:/QCATVnet, ký ngày....tháng.... năm

Điều 1: Giá cước.

STT	Gói cước	Nội dung	Phí lắp đặt	Cước hàng tháng (đã có VAT)	IP Tĩnh/Động
1					
2					
3					
4					

Điều 2: Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán dịch vụ Internet với chất lượng dịch vụ tốc độ, số lượng và giá cước cụ thể như sau:

1.1. Cước đầu nối

Đơn vị tính: VND

TT	Nội dung	Gói cước	IP tĩnh/đường truyền	Đơn giá	Thành tiền
1					
2					
	Cộng (chưa bao gồm thuế GTGT 10%)				
	Thuế GTGT 10%				
	Tổng cộng (đã bao gồm thuế GTGT)				
	Bảng chũ:				

1.2 Cước dịch vụ hàng tháng:

Đơn vị tính: VND

STT	Vị trí lắp đặt	Tốc độ (Mbps)	Phí hàng tháng	Số lượng đường truyền	Số tháng đóng trước	Thành tiền
1						
2						
3						
4						

Điều 3: Thiết bị

Bên B cho Bên A mượn thiết bị đầu cuối trong quá trình sử dụng dịch vụ và sẽ thu hồi lại thiết bị khi dịch vụ thanh lý, cụ thể như sau:

Số thứ tự	Chủng loại thiết bị	Ghi chú
1		
2		
3		
4		
5		

- Bên A phải sử dụng liên tục gói cước trọn gói (không tạm ngừng dịch vụ dưới bất kỳ hình thức nào) trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày ký biên bản bàn giao hệ thống.
- Bên A không cho mượn, sang nhượng thiết bị đã mượn của bên B cho bên thứ ba dưới bất kỳ hình thức nào. Có trách nhiệm giữ gìn bảo quản, sử dụng thiết bị cho mượn của bên B đúng mục đích, đúng địa chỉ đăng ký sử dụng.
- Trong trường hợp bên A nếu chấm dứt hợp đồng chính sách trọn gói trước thời hạn thì bên A phải trả phí bồi thường số tiền cước được tặng x (nhân) số tháng đã sử dụng trọn gói.
- Trong trường hợp bên A có mượn thiết bị Wileress router và chấm dứt hợp đồng trước thời hạn hoặc chuyển qua gói trọn gói có tốc độ Internet thấp hơn điều kiện để được trang bị Wileress router thì bên A phải trả phí thuê Wileress router: 10.000đ/tháng * số tháng còn lại. Và trả lại thiết bị cho bên B.
- Nếu bên A làm mất mát hoặc hỏng hóc thiết bị (ngoại trừ hư hỏng do lỗi của nhà sản xuất) và các phụ kiện đi kèm thì bên A có trách nhiệm bồi thường cho bên B theo giá quy định như sau:

STT	Tên thiết bị, phụ kiện	ĐVT	Số Lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT)	Thành tiền	Ghi chú
01	Modem Cable	Cái				
02	Modem....	Cái				
03					
04					

Hệ số bồi thường:

Số tháng đã sử dụng thiết bị, phụ kiện	Hệ số bồi thường
Dưới 12 tháng	100%
Từ 12 tháng tới dưới 18 tháng	50%
Từ 18 tháng tới dưới 24 tháng	25%
Từ 24 tháng trở lên	10%

Chú ý:

Số tháng đã sử dụng được tính từ thời điểm ký hợp đồng đến khi ngưng dịch vụ;
Nếu số tháng sử dụng là không tròn tháng;

Số ngày dư ra từ 15 ngày trở lên thì làm tròn tính thành thêm 01 tháng;

Số ngày dư ra dưới 15 ngày thì không tính thành thêm 01 tháng;

(Nếu sử dụng 04 tháng 14 ngày thì tính 04 tháng 15 ngày thì tính 5 tháng).

Số tiền bồi thường thiết bị = Đơn giá thiết bị x hệ số bồi thường

Điều 4: Thời hạn và bàn giao dịch vụ

Thời hạn cung cấp dịch vụ là: tháng/năm kể từ ngày hai bên ký vào Biên bản nghiệm thu bàn giao.

Sau thời hạn tháng/năm nếu 02 bên không có thay đổi thì hợp đồng tự gia hạn.

Điều 5: Điều khoản chung

Phụ lục này làm thành 4 (bốn) bản Bên A giữ 2 (hai) bản, Bên B giữ 2 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, là một phần không thể tách rời của hợp đồng.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B